

Mã số: 229

Ngày nhận: 27/08/2016

Ngày gửi phản biện lần 1: 13/9/2016

Ngày gửi phản biện lần 2: 10/10/2016

Ngày hoàn thành biên tập: 13/10/2016

Ngày duyệt đăng: 15/10/2016

## **ĐỀ XUẤT DIỄN GIẢI VÀ ÁP DỤNG ĐIỀU 420 BLDS 2015 VỀ THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG KHI HOÀN CẢNH THAY ĐỔI CƠ BẢN**

**Nguyễn Minh Hằng<sup>1</sup>**

**Trần Thị Giang Thu<sup>2</sup>**

### **Tóm tắt**

Là một trong những điểm mới gây tranh cãi trong Bộ luật dân sự 2015, quy định tại Điều 420 về thực hiện hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản cần được áp dụng một cách thận trọng. Thông qua việc tìm hiểu thực tiễn áp dụng quy định tương tự tại trên thế giới, bài viết đưa ra một số đề xuất về diễn giải và áp dụng quy định này tại Việt Nam.

**Từ khóa:** hardship, thực hiện hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản, Bộ luật dân sự 2015, diễn giải và áp dụng luật.

### **Abstract**

As one of the new controversial points in the Civil Code 2015, the provisions of Article 420 related to the contract performance upon the basic change of circumstances should be applied with caution. Through researching the practical application of similar regulations in the world, the article gives some suggestions on how to interpret and apply this rule in Vietnam.

**Keywords :** Hardship, contract performance upon the basic change of circumstances, the Civil Code 2015, interpretation and application of the law .

Ngày 24/11/2015, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 đã thông qua Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 (BLDS 2015) với nhiều điểm mới, trong đó có quy định mới về “Thực hiện hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản” (tại Điều 420). Quy định về thực hiện hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi cơ

---

<sup>1</sup> TS Khoa Luật, Trường ĐH Ngoại thương

<sup>2</sup> Ths Khoa Luật, Trường ĐH Ngoại thương

bản là một điểm mới quan trọng trong pháp luật Việt Nam<sup>3</sup> nhưng đã tồn tại từ lâu trong thực tiễn thương mại quốc tế và trong pháp luật hợp đồng của nhiều quốc gia. Thật vậy, khái niệm “hardship” và các khái niệm tương tự như “change of circumstances”, “changement de circonstances”, “Wegfall der Geschäftsgrundlage”, “eccessiva onerosità” được thừa nhận trong nhiều hệ thống pháp luật, trong đó, thuật ngữ “hardship” được sử dụng và được chấp nhận rộng rãi nhất.

Lý thuyết về “thực hiện hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản” (lý thuyết về “hardship”) là một quy định được “du nhập” từ các hệ thống pháp luật hiện đại và khi được đưa vào Bộ luật dân sự 2015 đã nhận được nhiều ý kiến rất khác nhau từ các nhà nghiên cứu, nhà bình luận. Dự kiến việc áp dụng quy định này tại Việt Nam cũng sẽ gặp phải những khó khăn đáng kể do còn có nhiều cách hiểu và quan điểm trái chiều.

Qua việc phân tích các quy định tại Điều 420 và đối chiếu, so sánh với thực tế quy định và áp dụng quy định về hardship tại một số quốc gia và theo một số nguồn luật quốc tế, người viết đề xuất một số ý kiến về diễn giải và áp dụng Điều 420 tại Việt Nam.

## **1. Về nguyên tắc chung cho việc áp dụng quy định tại Điều 420 về “thực hiện hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản”**

Chỉ có thể hiểu được nguyên tắc áp dụng Điều 420 khi tìm hiểu về nguồn gốc của lý thuyết dựa trên đó Điều luật này được hình thành, đó là lý thuyết về hardship. Hardship ra đời trên cơ sở hai nguyên tắc cơ bản của pháp luật hợp đồng, đó là nguyên tắc Pacta sunt servanda và nguyên tắc thiện chí.

### ***1.1. Hardship- một ngoại lệ của nguyên tắc Pacta sunt servanda***

Dưới góc độ luật tư, pacta sunt servanda được ghi nhận là một nguyên tắc về tính ràng buộc của hợp đồng: nếu đã giao kết hợp đồng thì các bên phải thực hiện hợp đồng đó. Nguyên tắc này đảm bảo bảo vệ quyền lợi của các bên khi giao kết hợp đồng, và ngăn chặn các trường hợp mà một bên kí kết hợp đồng không thiện chí và muốn đơn phương từ bỏ, chấm dứt hợp đồng.

Tuy nhiên, thực tiễn ghi nhận những trường hợp mà hoàn cảnh để thực hiện hợp đồng có sự thay đổi đáng kể so với hoàn cảnh khi kí kết hợp đồng. Trong những trường hợp như vậy, việc áp dụng cứng nhắc nguyên tắc Pacta sunt servanda, tức là buộc các bên vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ đúng theo hợp đồng đã kí, dường như đi ngược lại với chính tinh thần của nguyên tắc này, đó là đảm bảo cho việc thực hiện hợp đồng được công bằng và bảo vệ quyền lợi cho các bên, khi mà, một bên dù không có lỗi nhưng lại phải gánh chịu thiệt hại một cách vô lý.

---

<sup>3</sup> Một số trường hợp điều chỉnh hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi đã được quy định tại một số luật chuyên ngành như Luật kinh doanh bảo hiểm (Điều 20) hay Luật đấu thầu 2005 (Điều 57), Luật đấu thầu 2003 (Điều 67). Tuy nhiên, quy định về việc thực hiện hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản cho hợp đồng dân sự nói chung thì đến Bộ luật dân sự 2015 mới có.

Những trường hợp này không thể được giải quyết bằng việc áp dụng điều khoản bất khả kháng. Điều kiện áp dụng bất khả kháng là phải xảy ra sự kiện khách quan, không lường trước được khiến cho một bên không có khả năng tiếp tục thực hiện hợp đồng, từ đó đặt ra hướng xử lý là cho phép các bên chấm dứt hợp đồng và được miễn trách nhiệm. Tuy vậy, trường hợp hardship khiến cho việc thực hiện hợp đồng tuy là vẫn có thể, nhưng khó khăn, tốn kém hơn nhiều, và khiến cho một bên có nghĩa vụ phải chịu tổn thất nằm ngoài dự tính ban đầu. Đồng thời, các bên vẫn có mong muốn tiếp tục thực hiện hợp đồng để đạt được mục đích ban đầu, đặc biệt là đối với những hợp đồng dài hạn, thỏa thuận thực hiện nhiều lần. Vì vậy, việc áp dụng điều khoản bất khả kháng cho những trường hợp như vậy trở nên gượng ép, và không thực sự mang lại lợi ích cho các bên<sup>4</sup>.

Để mềm dẻo hóa việc áp dụng nguyên tắc Pacta sunt servanda, cũng như bù đắp lỗ hổng mà điều khoản bất khả kháng không thể điều chỉnh được, các nhà lập pháp đã xây dựng một ngoại lệ cho nguyên tắc Pacta sunt servanda, đó là trường hợp hardship. Nguyên tắc Pacta sunt servanda và lý thuyết về hardship không đối lập với nhau mà bổ sung cho nhau, nhằm hoàn thiện và tạo ra bộ khung pháp lý mềm dẻo, hợp lý cho các giao dịch dân sự, đặc biệt trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại.

Qua nghiên cứu quy định về hardship tại Mục 2 Chương 6 PICC (Bộ nguyên tắc Unidroit về hợp đồng thương mại quốc tế)<sup>5</sup> và “sự thay đổi của hoàn cảnh” (change of circumstances) tại Điều 6:111 PECL (Bộ nguyên tắc châu Âu về hợp đồng), có thể thấy, PICC và PECL đều khẳng định lý thuyết về hardship cần được nhìn nhận và áp dụng như một ngoại lệ của nguyên tắc Pacta sunt servanda. PICC dành nguyên một Điều đầu tiên của mục Hardship (Điều 6.2.1) để quy định về nghĩa vụ tuân thủ hợp đồng của các bên, ngay cả khi một bên có gặp phải hoàn cảnh làm cho việc thực hiện hợp đồng trở nên tốn kém và khó khăn hơn, chỉ trừ các trường hợp hardship. Còn Điều 6:111 PECL cũng dành khoản đầu tiên quy định tương tự: “Mỗi bên phải hoàn thành các nghĩa vụ của mình, ngay cả khi việc thực hiện hợp đồng trở nên tốn kém hơn, do chi phí thực hiện tăng hoặc do giá trị của khoản thanh toán giảm”. Điều này cho thấy các nhà lập pháp đề ra các giới hạn rất thận trọng trong việc áp dụng các quy định về hardship, theo đó, quy định về hardship chỉ nên được coi là một ngoại lệ của nguyên tắc Pacta sunt servanda, và phải được áp dụng hết sức hạn chế.

Trong khi đó, Điều 420 Bộ luật dân sự 2015 không đề cập rõ đến vấn đề nêu trên, mà chỉ đặt ra các quy định liên quan tới hoàn cảnh thay đổi cơ bản và các hậu quả pháp lý của việc áp dụng quy định<sup>6</sup>. Điều này đã dẫn tới nhiều nghi ngại và lo sợ về

---

<sup>4</sup> Lê Minh Hùng, 2015, *Điều chỉnh hợp đồng do hoàn cảnh thay đổi - thực trạng pháp luật Việt Nam và dự thảo Bộ luật dân sự sửa đổi*, Kỷ yếu hội thảo hoàn thiện dự thảo Bộ luật dân sự sửa đổi, tr. 90

<sup>5</sup> Phiên bản năm 2004

<sup>6</sup> Trong quá trình chỉnh lý hoàn thiện Dự thảo Bộ luật dân sự 2015, một số chuyên gia đã nêu ý kiến về việc bổ sung một khoản về việc áp dụng hardship là ngoại lệ của nguyên tắc Pacta sunt servanda vào điều khoản về thực hiện hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản. Ý kiến này cuối cùng đã không được ban soạn thảo chấp nhận.

việc lạm dụng điều khoản này, làm ảnh hưởng đến nguyên tắc về tính chất ràng buộc của hợp đồng. Để tránh tình trạng này, khi áp dụng Điều 420, các chủ thể áp dụng luật cần lưu ý là điều khoản này chỉ nên được áp dụng trong các trường hợp ngoại lệ, hiếm hoi, mà trong đó sự kiện xảy ra dẫn đến một sự thay đổi cơ bản của hoàn cảnh và làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc thực hiện hợp đồng.

### ***1.2. Hardship- một biểu hiện của nguyên tắc thiện chí***

Một hợp đồng luôn “sống” trong một hoàn cảnh, một môi trường nhất định và khi giao kết hợp đồng, các bên đã cân nhắc các yếu tố môi trường xung quanh để quyết định xem có tham gia vào hợp đồng không và đàm phán các điều khoản của hợp đồng sao cho các bên của hợp đồng đều đạt được mục đích của mình (quyền và nghĩa vụ của mỗi bên là tương xứng với nhau). Nếu hoàn cảnh khách quan thay đổi đến mức làm hợp đồng bị mất đi sự cân bằng vốn có, làm cho nghĩa vụ của một bên tăng lên một cách đáng kể, hoặc làm cho lợi ích của một bên bị giảm sút nghiêm trọng thì việc cho phép các bên điều chỉnh hợp đồng sẽ giúp hợp đồng lấy lại được sự cân bằng vốn có, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên hợp đồng, hay nói cách khác là đảm bảo công bằng giữa các bên.

Tuy vậy, có thể thấy rõ rằng, khi hardship xảy ra, một bên sẽ chịu thiệt hại, còn bên kia thì không có thiệt hại gì, thậm chí là được lợi từ việc thay đổi hoàn cảnh. Nếu bên này không có thiện chí, thì dù cho bên bị ảnh hưởng có yêu cầu đàm phán, thì quá trình đàm phán sẽ không thể thành công.

Khi xảy ra hardship, theo yêu cầu của thiện chí, các bên phải cùng hợp tác, chia sẻ rủi ro, khó khăn trong việc thực hiện hợp đồng. Bên bị ảnh hưởng bởi hoàn cảnh thay đổi có quyền yêu cầu bên kia đàm phán; và bên kia cần phải tham gia đàm phán dựa trên tinh thần thiện chí.

Mặc dù PICC không quy định minh thị, tuy nhiên diễn giải của Unidroit yêu cầu việc đàm phán lại giữa các bên phải được tiến hành theo nguyên tắc thiện chí, trung thực và hợp tác (tại Điều 1.7 và 5.1.3 PICC). Theo đó, bên bị bất lợi phải trung thực trong việc viện dẫn hoàn cảnh hardship, và không được lợi dụng việc đàm phán lại. Đồng thời, các bên phải đàm phán lại với tinh thần xây dựng, đặc biệt qua việc chủ động hạn chế các trở ngại và trao đổi tất cả các thông tin cần thiết trong quá trình đàm phán.

PECL có quy định minh thị về cơ chế buộc bồi thường thiệt hại đối với một bên không thiện chí trong việc đàm phán sửa đổi hợp đồng (từ chối đàm phán hoặc đã tham gia đàm phán, nhưng không thể hiện tinh thần hợp tác, chia sẻ rủi ro, tức là thiếu đi sự thiện chí).

Bộ luật dân sự Việt Nam nhấn mạnh nguyên tắc thiện chí<sup>7</sup>, nhưng tinh thần, sức sống của nguyên tắc này chưa mạnh mẽ, chưa có nhiều quy định cụ thể trong Bộ luật

---

<sup>7</sup> Điều 3 khoản 3 Bộ luật dân sự 2015.

thể hiện nguyên tắc này. Điều khoản về hoàn cảnh thay đổi cơ bản cần được diễn giải như là một điều khoản thể hiện rõ tinh thần của nguyên tắc thiện chí, cụ thể:

- Đối với bên bị ảnh hưởng:

Bên viện dẫn hardship cần thể hiện sự thiện chí của mình, đó là không được sử dụng hardship như là một công cụ để kéo dài thời hạn thực hiện hợp đồng. Khi viện dẫn hardship, cần đưa ra các căn cứ cụ thể, và nếu những căn cứ đó là không hợp lý, thì bên viện dẫn đó phải chịu trách nhiệm đối với bên kia về việc viện dẫn sai hoàn cảnh hardship (thời gian thực hiện hợp đồng bị kéo dài do đàm phán, gây thiệt hại cho bên kia). Bằng cách này, chúng ta có thể hạn chế các trường hợp bên thiếu thiện chí lạm dụng quy định tại Điều 420.

- Đối với bên không bị ảnh hưởng:

Việc yêu cầu đàm phán là quyền của bên gặp bất lợi khi xảy ra thay đổi hoàn cảnh, và vì thế sẽ trở thành nghĩa vụ của bên còn lại của hợp đồng. Ở đây là nghĩa vụ đàm phán một cách thiện chí để tìm ra giải pháp khắc phục sự thay đổi của hoàn cảnh. Nếu bên kia không tham gia đàm phán, hoặc đàm phán một cách thiếu thiện chí, thì sẽ có thể phải bồi thường thiệt hại cho bên bị ảnh hưởng.

## **2. Về việc nhận diện “hoàn cảnh thay đổi cơ bản”**

### ***2.1. Về tính chất không lường trước được của hoàn cảnh thay đổi cơ bản***

Điểm b Khoản 1 Điều 420 quy định: “*Tại thời điểm giao kết hợp đồng, các bên không thể lường trước được về sự thay đổi hoàn cảnh;*” và Điểm c: “*Hoàn cảnh thay đổi lớn đến mức nếu như các bên biết trước thì hợp đồng đã không được giao kết hoặc được giao kết nhưng với nội dung hoàn toàn khác*”.

BLDS của một số quốc gia cũng đã ghi nhận quy định tương tự về vấn đề này, như trong BLDS Pháp: “...xảy ra một sự thay đổi về hoàn cảnh không thể tính trước được tại thời điểm giao kết hợp đồng...”<sup>8</sup> hay trong quy định của BLDS Đức: “...các bên nếu lường trước được sự thay đổi đó thì đã không ký hợp đồng hoặc đã ký hợp đồng với một nội dung khác...”<sup>9</sup>. Điều này cho thấy tính chất “không lường trước được” là quan trọng và cần phải lưu tâm trong việc công nhận hoàn cảnh thay đổi cơ bản.

Về vấn đề này, chúng tôi đề xuất tham khảo diễn giải của PICC về sự “tính đến hợp lý” của bên bị bất lợi về hoàn cảnh hardship khi giao kết hợp đồng: ngay cả khi sự thay đổi của hoàn cảnh xảy ra sau khi ký kết hợp đồng, sự thay đổi hoàn cảnh đó không thể được coi là hardship nếu bên bị bất lợi có thể tính đến hoàn cảnh đó một

---

<sup>8</sup> Lý thuyết về hardship mới được đưa vào Điều 1195 BLDS Pháp sửa đổi, bổ sung sau đợt cải cách các quy định về pháp luật hợp đồng (theo Điều 2 sắc lệnh 2016 – 131 ngày 10/02/2016) dưới tên gọi “sự thay đổi của hoàn cảnh” (changement de circonstances), điều luật này sẽ chính thức có hiệu lực vào ngày 1/10/2016.

<sup>9</sup> Điều khoản hardship xuất hiện trong BLDS Đức (BGB) tại Điều 313 BGB dưới tên gọi Störung der Geschäftsgrundlage (sự xáo trộn cơ sở của hợp đồng)

cách hợp lý khi giao kết hợp đồng. Khái niệm “tính đến hợp lý” của PICC đã được minh họa cụ thể như sau: A ký hợp đồng cung cấp cho B mặt hàng dầu thô tại nước X với giá cố định, thời hạn trong vòng 5 năm, mặc dù tình hình chính trị tại nước X đang bất ổn tại thời điểm ký hợp đồng. Hai năm sau, chiến tranh xảy ra dẫn đến khủng hoảng năng lượng và giá dầu thô tăng mạnh. Trong trường hợp này, A không thể viện dẫn điều khoản hardship, bởi tại thời điểm ký hợp đồng, A đáng lẽ phải tính đến tình hình chính trị bất ổn tại nước X và dự liệu được tình hình đó sẽ có tác động lên giá dầu.

Như vậy, việc lường trước sự thay đổi của hoàn cảnh phải dựa trên thực tế vụ việc, đồng thời phân định rõ sự thay đổi hoàn cảnh thuộc trường hợp có thể lường trước được nhưng do bên bị bất lợi cố tình hoặc vô tình không nhận thức được (do năng lực dự đoán yếu kém), hay do bản chất sự thay đổi hoàn cảnh đó là không lường trước được. Việc quy định chặt chẽ và rõ ràng về vấn đề này sẽ có tác dụng ràng buộc các bên phải có ý thức nghiên cứu cẩn thận, kĩ càng hơn trước khi quyết định ký kết hợp đồng, từ đó làm cho môi trường giao dịch ổn định hơn và giảm các tranh chấp không đáng có.

## **2.2. Về khái niệm “thiệt hại nghiêm trọng”**

Điều d Khoản 1 Điều 420 quy định: “Việc tiếp tục thực hiện hợp đồng mà không có sự thay đổi nội dung hợp đồng sẽ gây thiệt hại nghiêm trọng cho một bên”. Quy định này không đưa ra tiêu chí xác định thiệt hại ở mức độ nào thì được coi là nghiêm trọng. Luật trao toàn quyền cho các bên và cơ quan xét xử việc quyết định thiệt hại có nghiêm trọng hay không. Điều này có thể dẫn đến một số ý kiến bất đồng trong việc diễn giải và áp dụng quy định này trên thực tế.

Ấn bản PICC 1994 có đưa ra diễn giải “sự thay đổi đến 50% hoặc hơn về giá hay giá trị của nghĩa vụ thì sẽ được coi là một sự thay đổi cơ bản”. Tuy nhiên đến ấn bản PICC 2004 và 2010, phần diễn giải đã không giữ lại con số 50%, mà được chỉnh sửa lại: “một sự thay đổi có được coi là cơ bản hay không trong một vụ việc phải được xác định tùy vào hoàn cảnh”. BLDS một số quốc gia như Pháp, Đức, Italia,.. cũng chỉ đưa ra quy định về thiệt hại một cách chung chung và không đặt ra một mức độ cụ thể. Như vậy, có thể thấy, các nhà lập pháp đều có chung quan điểm là không nên quy định một lượng cụ thể về mức độ thiệt hại để đảm bảo tính khái quát và linh hoạt của quy định<sup>10</sup>.

Hãy cùng xem xét một số án lệ sau:

---

<sup>10</sup> Trong quá trình soạn thảo BLDS 2015, một số ý kiến đề xuất cần có quy định mang tính định lượng để xác định hoàn cảnh thay đổi cơ bản nhằm tạo điều kiện dễ dàng trong việc áp dụng. Có lẽ cũng phải khẳng định rằng, để đảm bảo sự khái quát trong việc điều chỉnh các quan hệ dân sự, hầu hết các quy định trong BLDS mang tính định tính. Khó có thể đưa ra các quy định định lượng cụ thể như giá tăng, giảm bao nhiêu % thì được coi là xảy ra hoàn cảnh thay đổi cơ bản. Cuộc sống dân sự vô cùng phong phú, một quy định mang tính “định lượng” như vậy sẽ là “vòng kim cô” cho người áp dụng luật. Quy định của pháp luật cần rõ ràng, có tính khái quát cao và có sự linh hoạt cần thiết để có thể áp dụng cho nhiều trường hợp khác nhau trong thực tế.

(1) Tranh chấp giữa công ty Scaform International BV (Phần Lan) và công ty Lorraine Tubes S.A.S (Pháp)<sup>11</sup>: trong vụ việc này, biến động trên thị trường thép khiến cho giá thép đã tăng lên 70% so với giá ban đầu. Tòa án Tối cao của Phần Lan cho rằng sự kiện giá thép tăng là không dự tính trước được, tạo ra sự mất cân bằng nghiêm trọng, khiến cho việc tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trở nên bất lợi cho phía Người Bán.

(2) Tranh chấp giữa công ty quảng cáo của Tây Ban Nha (Nguyên đơn) với Công ty vận tải thành phố Valencia (Bị đơn)<sup>12</sup>: Nguyên đơn và Bị đơn ký kết một hợp đồng thỏa thuận về việc khai thác quảng cáo trên xe bus (xe bus thuộc sở hữu của Bị đơn), tuy nhiên do khủng hoảng kinh tế dẫn đến nguồn đầu tư cho lĩnh vực marketing trên các phương tiện vận tải sụt giảm, Nguyên đơn đã yêu cầu Bị đơn giảm 70% giá thuê.

(3) Trong một phán quyết của trọng tài Berlin, trọng tài đã công nhận hoàn cảnh hardship cho một Công ty nước Cộng hòa dân chủ Đức khi thực hiện hợp đồng nhập máy móc từ công ty Đông Âu. Khi nước Đức thống nhất, thị trường Tây Đức mở cửa cho các doanh nghiệp Đông Đức, và do vậy, máy móc mà công ty Đông Đức nhập khẩu về mất gần như hoàn toàn giá trị. Tòa lập luận rằng sự kiện đã nêu thực sự dẫn đến một sự thay đổi cân bằng ban đầu của hợp đồng<sup>13</sup>.

(4) Án lệ năm 1916 tại Tòa án hành chính Pháp, trong vụ tranh chấp về hợp đồng cung cấp khí đốt giữa Công ty khí gas Bordeaux với Tòa thị chính thành phố (vụ Gaz de Bordeaux)<sup>14</sup>: Chính quyền thành phố Bordeaux nhượng quyền cho Công ty khí gas Bordeaux quyền cung cấp khí gas chiếu sáng cho thành phố. Hợp đồng đã ấn định mức giá cố định, tuy nhiên cũng quy định một cơ chế điều chỉnh trong phạm vi biến động về giá nhất định. Tranh chấp xảy ra vào năm 1916, do tác động của cuộc chiến tranh thế giới thứ nhất, giá than đá đầu vào của công ty khí gas Bordeaux tăng gấp ba lần, và do vậy vượt quá mức giá đã được ấn định trong hợp đồng. Tòa án hành chính Pháp đã đưa ra phán quyết rằng các bên có thể thỏa thuận để thay đổi hợp đồng, nhưng nếu bên mua khí đốt không chấp nhận, thì “công ty khí đốt có quyền đòi một khoản tiền bù đắp tổn thất, gọi là tiền bồi thường cho khoản tổn thất không thể dự đoán”.

(5) Tranh chấp (số 8486) giữa Bên bán là công ty Hà Lan và Bên mua là công ty Thổ Nhĩ Kỳ<sup>15</sup> tại Tòa án trọng tài quốc tế ICC Zurich: Hai bên ký kết hợp đồng lắp đặt máy sản xuất đường viên. Sau khi ký kết, Bên mua từ chối thanh toán theo hợp đồng và viện dẫn hoàn cảnh khó khăn do sự sụt giảm đột ngột nhu cầu đường viên trên thị trường. Hai bên đàm phán sửa đổi hợp đồng không thành công, bên bán Hà Lan tuyên bố chấm dứt hợp đồng và yêu cầu bên mua bồi thường thiệt hại. Trọng tài không công

---

<sup>11</sup> Xem thêm bản gốc tiếng Anh tại <<http://cisgw3.law.pace.edu/cases/050125b1.html>> và <<http://www.unilex.info/case.cfm?id=1949>>, truy cập ngày 30/5/2016

<sup>12</sup> Xem thêm tại <<http://www.unilex.info/case.cfm?id=1949>>, truy cập ngày 30/5/2016

<sup>13</sup> Xem thêm bản gốc tiếng Anh tại <<http://www.unilex.info/case.cfm?id=627>>, truy cập ngày 30/5/2016

<sup>14</sup> Xem thêm Lê Minh Hùng, 2010, *Hiệu lực của hợp đồng theo quy định của pháp luật Việt Nam*, Luận án Tiến sỹ Luật học, Đại học Luật Tp. Hồ Chí Minh, tr.162

<sup>15</sup> Xem bản gốc tiếng Anh tại <<http://www.unilex.info/case.cfm?id=630>>, truy cập ngày 30/5/2016

nhận trường hợp hardship và nhấn mạnh rằng việc chấm dứt hợp đồng dựa trên căn cứ viện dẫn điều khoản hardship chỉ được áp dụng trong một số trường hợp cực kỳ hiếm hoi, và rằng tính chất đặc trưng của một hoàn cảnh để được coi là hardship, là phải dẫn đến sự thay đổi cơ bản về cân bằng của hợp đồng. Chính vì vậy, một sự kiện đơn thuần chỉ làm tăng chi phí thực hiện nghĩa vụ của một bên thì không được coi là hoàn cảnh hardship, mà đúng hơn thuộc về rủi ro mà các bên phải gánh chịu.

Qua các tranh chấp trên, có thể thấy, trong các án lệ về hardship, các cơ quan xét xử xem xét thiệt hại dựa trên việc xét đến phần tăng thêm của chi phí thực hiện nghĩa vụ so với chi phí ban đầu (vụ việc đầu tiên và vụ việc thứ tư), hoặc phần giá trị của nghĩa vụ đối trừ giảm xuống so với ban đầu (vụ việc thứ hai, thứ ba và thứ năm). Thông thường, một sự thay đổi giá trị trường nhỏ hơn 50% không được coi là thay đổi cơ bản. Con số 70% được lặp lại trong 2 án lệ và có thể được sử dụng như một con số mang tính tham khảo, tuy vậy cũng không nên coi đây là con số hợp lý có thể được áp dụng cho các tranh chấp khác.

Cũng qua các án lệ trên, có thể thấy yếu tố “sự thay đổi cơ bản sự cân bằng giữa các nghĩa vụ hợp đồng” đã được lưu tâm và xem xét kỹ càng bởi cơ quan giải quyết tranh chấp. Thực tế cho thấy đây là một trong các yếu tố cốt lõi mang bản chất của hoàn cảnh hardship để từ đó nhận diện và công nhận hoàn cảnh hardship.

Chính vì vậy, mặc dù khái niệm hoàn cảnh thay đổi cơ bản tại Điều 420 không đề cập đến sự mất cân bằng cơ bản giữa các nghĩa vụ của hợp đồng như quy định của PICC, tuy nhiên, chúng tôi đề xuất việc vẫn nên lưu tâm đến yếu tố này trong quá trình áp dụng Điều 420 để phù hợp với bản chất của điều khoản hardship và đảm bảo sự công bằng cho các bên của hợp đồng. Trên tinh thần đó, việc sửa đổi hay chấm dứt của hợp đồng cũng là nhằm thiết lập lại sự cân bằng về quyền và lợi ích của các bên, hay chính là thiết lập lại sự công bằng cho các bên của hợp đồng, như quy định tại điểm b khoản 3 của Điều 420.

### **3. Về hậu quả pháp lý của việc áp dụng quy định tại Điều 420 BLDS 2015**

#### ***3.1. Về quyền yêu cầu đàm phán lại của các bên***

Khoản 2 Điều 420 quy định: “*Trong trường hợp hoàn cảnh thay đổi cơ bản, bên có lợi ích bị ảnh hưởng có quyền yêu cầu bên kia đàm phán lại hợp đồng trong một thời hạn hợp lý.*”

Đối với quyền yêu cầu đàm phán lại của bên có lợi ích bị ảnh hưởng, luật quy định đây là quyền của bên có lợi ích bị ảnh hưởng, chứ không quy định nghĩa vụ của các bên bắt buộc phải đàm phán lại trong trường hợp xảy ra hoàn cảnh thay đổi. Tuy vậy, theo chúng tôi, xuất phát từ bản chất của việc áp dụng hardship là dựa trên nguyên tắc thiện chí, bên được yêu cầu đàm phán phải có nghĩa vụ đàm phán lại hợp đồng một cách thiện chí và việc không tuân thủ yêu cầu này có thể kéo theo trách nhiệm bồi thường thiệt hại gây ra cho bên kia do không đàm phán một cách thiện chí.



Cần diễn giải “*thời hạn hợp lý*” để bên có lợi ích bị ảnh hưởng đưa ra yêu cầu đàm phán lại như thế nào? Khái niệm “*thời hạn hợp lý*” cũng được nhắc đến trong nhiều quy định khác của BLDS 2015 như Điều 142: “Người được đại diện biết mà không phản đối trong một *thời hạn hợp lý*”; hay Điều 300: “Trước khi xử lý tài sản bảo đảm, bên nhận bảo đảm phải thông báo bằng văn bản trong một *thời hạn hợp lý*...”. Như vậy, để tạo ra tính nhất quán trong việc áp dụng các quy định của BLDS, việc diễn giải và áp dụng khái niệm “*thời hạn hợp lý*” tại Điều 420 cần được đặt trong mối tương quan diễn giải chung của BLDS về khái niệm này, xét đến các yếu tố của giao dịch và của hoàn cảnh. Thông thường, để đảm bảo tiêu chí khách quan, tính hợp lý được xem xét bởi một bài test khách quan, theo đó, thời hạn hợp lý là thời hạn mà trong hoàn cảnh tương tự, một bên nếu tuân thủ đúng nguyên tắc thiện chí phải đưa ra yêu cầu.

Câu hỏi đặt ra là, nếu không tuân thủ thời hạn yêu cầu đàm phán lại thì hậu quả đối với bên bị bất lợi là gì? Khoản 2 Điều 6.2.3 PICC quy định: “*Trong trường hợp hardship, bên bị bất lợi có quyền yêu cầu tiến hành đàm phán lại hợp đồng. Yêu cầu này phải được đưa ra không chậm trễ và phải có căn cứ*”. Bình luận chính thức của quy định này như sau: “Yêu cầu đàm phán lại hợp đồng phải được đưa ra sớm nhất có thể ngay sau khi suy đoán là có hardship. Thời hạn yêu cầu đàm phán lại hợp đồng phụ thuộc vào từng hoàn cảnh cụ thể... Bên bị bất lợi không mất quyền yêu cầu đàm phán lại hợp đồng vì lý do duy nhất là đã không đưa ra yêu cầu đó trong thời hạn sớm nhất có thể”<sup>16</sup>.

Tuy nhiên, đối với việc áp dụng quy định này tại Việt Nam, chúng tôi đề xuất rằng yêu cầu đàm phán lại chỉ có hiệu lực nếu được gửi trong một thời hạn hợp lý để tránh các trường hợp lạm dụng. Nếu quá thời hạn hợp lý mà không có thông báo về yêu cầu đàm phán lại, thì có thể ngầm hiểu rằng bên có lợi ích bị ảnh hưởng đã từ bỏ quyền của mình, không mong muốn đàm phán lại và sẵn sàng chấp nhận thiệt hại do hoàn cảnh thay đổi cơ bản. Cách diễn giải này cũng phù hợp với thực tiễn diễn giải và áp dụng thời hạn hợp lý để hưởng một quyền nào đó (như quyền phản đối) trong Bộ luật dân sự Việt Nam.

Ngoài ra, mặc dù Điều 420 BLDS 2015 không quy định, nhưng chúng tôi cho rằng, bên đưa ra yêu cầu đàm phán lại phải đưa ra căn cứ một cách rõ ràng về sự thay đổi hoàn cảnh và bằng chứng về việc sự thay đổi hoàn cảnh này là cơ bản, ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc thực hiện hợp đồng của mình. Nếu không có căn cứ rõ ràng thì bên kia có quyền từ chối đàm phán lại.

### **3.2. Về cơ chế giải quyết tranh chấp khi các bên đàm phán lại không thành công**

Hiện tại, Khoản 4 Điều 420 mới chỉ nhắc đến chủ thể giải quyết tranh chấp là Tòa án, mà bỏ ngỏ quy định về thẩm quyền của một chủ thể khác rất

---

<sup>16</sup> Nguyễn Minh Hằng, Đỗ Văn Đại (và nhóm dịch giả), 2014, *Bộ Nguyên tắc của Unidroit về hợp đồng thương mại quốc tế* (bản dịch), Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 270

quan trọng và thường được sử dụng là Trọng tài. Xem xét mối tương quan giữa Điều 420 và quy định về thẩm quyền của Trọng tài trong luật TTTM 2010, có thể thấy một số mâu thuẫn còn đang tồn tại: Điều 5 Luật Trọng tài thương mại 2010 quy định: “*Tranh chấp được giải quyết bằng Trọng tài nếu các bên có thoả thuận trọng tài*” và Điều 6: “*Trong trường hợp các bên tranh chấp đã có thoả thuận trọng tài mà một bên khởi kiện tại Tòa án thì Tòa án phải từ chối thụ lý, trừ trường hợp thoả thuận trọng tài vô hiệu hoặc thoả thuận trọng tài không thể thực hiện được*”. Như vậy, có thể xảy ra khả năng hợp đồng các bên ký kết thoả thuận giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài, nhưng trong quá trình thực hiện hợp đồng lại xảy ra tình huống hoàn cảnh thay đổi cơ bản và các bên không đạt được thoả thuận trong thời hạn hợp lý. Trong trường hợp này, Tòa án không có thẩm quyền giải quyết tranh chấp, do các bên đã có thoả thuận Trọng tài theo Điều 6 Luật TTTM 2010. Câu hỏi đặt ra là các bên có thể đưa tranh chấp ra trước trọng tài để xem xét trường hợp hoàn cảnh thay đổi cơ bản hay không?

Án lệ áp dụng PICC tại Tòa án trọng tài quốc tế ICC (số 7365/FMS, số 8873, 9994, 12446... ) cũng như thực tiễn xét xử trọng tài của nhiều quốc gia (Hà Lan, Đức,...)<sup>17</sup> cho thấy mặc dù luật chỉ định cơ quan xét xử là “Court” (Tòa án), tuy nhiên thuật ngữ “Tòa án” ở đây được diễn giải là bao gồm cả Tòa án Trọng tài (Arbitration Court) và vẫn cho phép Trọng tài có thẩm quyền xét xử trong trường hợp hardship. Trong số 5 án lệ được trích dẫn ở trên, cũng có tới 2 án lệ do trọng tài giải quyết.

Như vậy, để tránh mâu thuẫn với Luật Trọng tài Thương mại 2010 cũng như phù hợp với thông lệ và thực tiễn quốc tế, chúng tôi đề xuất việc diễn giải Khoản này như sau: Tòa án có quyền giải quyết tranh chấp dựa trên cơ sở có yêu cầu của nguyên đơn, tuy nhiên không bắt buộc các bên phải giải quyết tranh chấp tại Tòa án, và trong trường hợp các bên có thoả thuận trọng tài, thì Trọng tài vẫn được vận dụng Điều 420 để giải quyết tranh chấp. Cách diễn giải này cũng sẽ tránh tình trạng không có cơ quan nào có thẩm quyền xét xử vụ việc.

### ***3.3. Sửa đổi hay chấm dứt hợp đồng?***

Về quyền sửa đổi hợp đồng của Tòa án, có thể thấy hướng giải quyết là sửa đổi hợp đồng của Tòa án bị hạn chế áp dụng hơn so với hướng giải quyết chấm dứt hợp đồng. Trong khi quyền chấm dứt hợp đồng của Tòa án không kèm theo điều kiện nào khác, thì quyền sửa đổi hợp đồng lại bị giới hạn: “*Tòa án chỉ được quyết định việc sửa đổi hợp đồng trong trường hợp việc chấm dứt hợp đồng sẽ gây thiệt hại lớn hơn so với các chi phí để thực hiện hợp đồng*”.

---

<sup>17</sup> Xem thêm tại <<http://unilex.info/dynasite.cfm?dssid=2377&dsmid=13620>>, truy cập ngày 31/5/2016.

Quy định chặt chẽ như vậy sẽ ngăn ngừa được các trường hợp Tòa án lạm dụng để can thiệp quá mức vào thỏa thuận giữa các bên, tuy nhiên, quy định này cũng đồng thời đặt ra gánh nặng trong việc áp dụng thực tế, bởi việc xác định thiệt hại “trong trường hợp chấm dứt hợp đồng” và xác định “chi phí để thực hiện hợp đồng” là các vấn đề hết sức phức tạp và khó khăn, không phải người xét xử nào cũng có đủ hiểu biết và trình độ để tính toán, đặc biệt là với các hợp đồng trong các lĩnh vực có tính đặc thù cao như kỹ thuật, công nghệ thông tin,... Hơn nữa, ngay cả khi Tòa ra quyết định sửa đổi hợp đồng, thì việc sửa đổi các điều khoản cụ thể có được đặt trong chừng mực nào không, hay hoàn toàn dựa trên ý kiến chủ quan của người xét xử. Về vấn đề này, có thể tham khảo bình luận về Điều 6:111 PECL<sup>18</sup>, theo đó cơ quan xét xử có thể thay đổi một số điều khoản của hợp đồng như: thay đổi thời hạn thực hiện nghĩa vụ, tăng hay giảm giá, số lượng,... tuy nhiên không được khiến cho hợp đồng thay đổi hoàn toàn về mặt bản chất, hay nói cách khác, không được sửa đổi hợp đồng đến mức áp đặt cho các bên một hợp đồng hoàn toàn mới về mặt bản chất so với hợp đồng ban đầu.

### **Kết luận**

Việc diễn giải và áp dụng Điều 420 cần cân nhắc kỹ càng và cần được đặt trong mối quan hệ với việc tuân thủ nguyên tắc Pacta sunt servanda và nguyên tắc thiện chí trong mọi quan hệ hợp đồng. Quy định mới này cần được “soi sáng” qua thời gian bằng việc áp dụng trong thực tế, qua đó mới có thể khẳng định tính phù hợp hay không với thực tiễn hợp đồng tại Việt Nam và có cần thiết phải được sửa đổi, bổ sung hay không.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Ngô Quốc Chiến, 2014, *Điều chỉnh hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi và việc sửa đổi Bộ luật Dân sự năm 2005*, tạp chí Nghiên cứu lập pháp, số 14 (294), tr 29-33.
2. Đỗ Văn Đại, 2015, *Điều chỉnh hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi*, tham luận 4 tại Hội thảo “Chế định hợp đồng trong dự thảo bộ luật dân sự (sửa đổi)” tháng 3/2015.
3. Nguyễn Minh Hằng, Đỗ Văn Đại (và nhóm dịch giả), 2014, *Bộ nguyên tắc Unidroit về hợp đồng thương mại quốc tế 2004 (sách dịch)*, NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội.
4. Georges Rouhette, Isabelle de Lamberterie, Denis Tallon, Claude Witz, 2003, *Principe du Droit Européen du contrat* (bản tiếng Pháp), Quyển 2, Société de législation comparée.

---

<sup>18</sup> Georges Rouhette, Isabelle de Lamberterie, Denis Tallon, Claude Witz, 2003, *Principe du Droit Européen du contrat* (bản tiếng Pháp), Quyển 2, Société de législation comparée, tr. 288

5. Lê Minh Hùng, 2009, *Điều khoản điều chỉnh hợp đồng do hoàn cảnh thay đổi trong pháp luật nước ngoài và kinh nghiệm cho Việt Nam*, tạp chí Nghiên cứu lập pháp số 6 tháng 3/2009, tr. 41- 51.
6. Lê Minh Hùng, 2010, *Hiệu lực của hợp đồng theo quy định của pháp luật Việt Nam*, Luận án Tiến sỹ Luật học, Đại học Luật Tp. Hồ Chí Minh
7. Lê Minh Hùng, 2015, *Điều chỉnh hợp đồng do hoàn cảnh thay đổi - thực trạng pháp luật Việt Nam và dự thảo Bộ luật dân sự sửa đổi*, Kỷ yếu hội thảo hoàn thiện dự thảo Bộ luật dân sự sửa đổi, tr. 90-92.
8. Các án lệ và bình luận chính thức PICC tại trang <<http://unilex.info>>.